TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/DS-ST
Ngày: 11-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D-TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phiên;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Kim Hoa, Thư ký Toà án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐST-DS ngày 01-6-2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 81, tổ 20, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn Chị Lâm Thị B, sinh năm 1984; anh Phạm Văn N (C), sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Tổ 20, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị B có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2016 và ngày 28 tháng 6 năm 2016 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án – Chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị cho chị B vay tiền nhiều lần, khi vay thì chị B đến gặp chị để nhận tiền và ký tên vào sổ vay tiền của chị, mục đích vay tiền để anh N mua bán củ mì.

Đến ngày 11/8/2015 chị cùng chị B chốt sổ nợ, với tổng số tiền còn nợ là 118.000.000 đồng, khi chốt nợ có viết giấy mượn tiền, do chồng chị là anh Trần Văn M viết nội dung và chị B ký tên viết họ tên, thoả thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng chị B, anh N chưa đóng tiền lãi lần nào. Do khi chốt nợ chị B có xin không đóng tiền lãi vì hiện chị đang gặp khó khăn nên số tiền 118.000.000 đồng là nợ gốc, không bao gồm tiền lãi.

Nay chị yêu cầu chị Lâm Thị B, anh Phạm Văn N phải trả cho chị số tiền 118.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 11/8/2015 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Lâm Thị B trình bày:

Chị tham gia góp hụi và vay tiền của chị C nhiều lần đến ngày 11/8/2015 chị cùng chị C chốt sổ nợ tổng số tiền 118.000.000 đồng. Chị xác định khi chốt nợ chị có ký tên vào giấy mượn tiền cho chị C với số tiền 118.000.000 đồng. Số tiền này chị đưa cho chồng chị là anh N để mua bán mì, có thoả thuận lãi suất nhưng chị không nhớ rõ. Trong thời gian vợ chồng sống chung có mâu thuẫn nên anh N không đồng ý cùng chị trả nợ cho chị C và đã đuổi chị ra khỏi nhà để trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Đến nay chị đã trả góp nhiều lần cho chị C số tiền 68.000.000 đồng, mỗi lần trả chị C tự ghi vào sổ của chị C, chị không theo dõi, không cung cấp được chứng cứ gì khác về việc đã trả nợ nhưng chị nhớ đã trả được số tiền trả là 68.000.000 đồng, còn nợ số tiền 50.000.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho chị C số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu anh N cùng có trách nhiệm trả số tiền trên cùng với chị.

Anh Phạm Văn N vắng mặt, quá trình giải quyết Toà án đã tống đạt hợp lệ cho anh N, anh N cũng không có ý kiến bằng văn bản cũng như không giao nộp chứng cứ, do đó anh N phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa. Anh N vắng mặt Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết cho anh N đảm bảo đúng quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị B anh N trả số tiền 118.000.000 đồng. Ghi nhận chị C không yêu cầu tính lãi suất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N. Anh N phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Anh Trần Văn M, chồng chị C, cho rằng đây là tài sản riêng của chị C, anh từ chối tham gia tố tụng, do đó không đưa anh M vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị C đối với chị B, anh N, thấy rằng: Chị B và anh N vay tiền của chị C nhiều lần, mỗi lần vay chị B có ký tên vào sổ vay tiền do chị C giữ, đến ngày 11-8-2015 chị C, chị B chốt sổ nợ, với tổng số tiền còn nợ là 118.000.000 đồng có làm giấy mượn tiền, thoả thuận lãi suất

3%/tháng, được chị B thừa nhận. Do đó, có cơ sở xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, có lãi.

[3] Quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà chị B cho rằng đã trả dần cho chị C được số tiền 68.000.000 đồng, còn nợ chị C 50.000.000 đồng, chị không biết chữ nên không thừa nhận chữ ký " B" trong giấy nợ ngày 11/8/2015 là chữ ký do chị ký ra; Tuy nhiên, chị B và anh N đang yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chữ ký trong đơn ly hôn ngày 18/4/2017 chị B thừa nhận là do chị ký, nội dung đơn ly hôn chị B khai nợ chị C số tiền 75.000.000 đồng; Mặt khác, bút lục 19, 20 chị B khai còn nợ chị C 45.000.000 đồng tiền hụi; bút lục 16,17 chị B khai nợ chị C 44.000.000 đồng tiền hụi chết. Do đó, các lời khai của chị B trong hồ sơ đều mâu thuẫn nhau.

[4] Căn cứ Kết luận giám định số: 03/C54B ngày 16/02/2017 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký " B" tại mục "Người mượng tiền" trên "giấy mượng tiền" ghi ngày 11/8/2015 và chữ viết trên các tài liệu dùng làm mẫu so sánh do cùng một người viết ra. Do đó, có đủ cơ sở kết luận giao dịch giữa chị C và chị B là có thật.

[5] Chị B đã trả tiền cho chị C nhiều lần được số tiền là 68.000.000 đồng, chỉ còn nợ 50.000.000 đồng, chị C không thừa nhận điều này, chị B cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị đã trả cho chị C số tiền 68.000.000đồng, do đó lời trình bày của chị B là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Anh N đã được Toà án triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên Toà án không thu thập được chứng cứ về lời khai của anh N. Nhưng chị C, chị B thống nhất mục đích chị B vay tiền để anh N mua bán mì, thời điểm chị B vay tiền thì giữa chị B, anh N vẫn còn quan hệ vợ chồng, do đó có cơ sở việc chị B vay tiền là phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tiền lãi theo quy định pháp luật: Chị C thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chị không yêu cầu chị B, anh N trả tiền lãi đối với số tiền 118.000.000 đồng, nên cần ghi nhận.

[8] Chị C yêu cầu chị B, anh N trả số tiền gốc là 118.000.000 là có cơ sở.

[9] Chị B, anh N phải chịu chi phí giám định, chị C đã nộp số tiền chi phí giám định là 3.000.000 đồng, chị B, anh N phải thanh toán cho chị C.

[10] Chị B, anh N phải trả cho chị C số tiền là 118.000.000, do đó phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm ngàn) theo Pháp lệnh về án phí, Lệ phí của Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, Lệ phí Toà án; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1 Buộc chị Lâm Thị B, anh Phạm Văn N (C) phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 118.000.000đ (một trăm mười tám triệu đồng).

+ Ghi nhận chị C không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về chi phí giám định: Chị B, anh N phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng, chị C đã tạm nộp, chị B, anh N có trách nhiệm thanh toán cho chị C số tiền 3.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị B, anh Phạm Văn N phải chịu 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm ngàn).

+ Chị C không phải chịu tiền án phí. Chi Cục Thi hành án Dân sự Huyện D hoàn trả cho chị C số tiền án phí đã tạm nộp 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn) theo biên lai thu số 0014119 ngày 14 tháng 6 năm 2017.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , chị C, chị B có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh N vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

6**.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Nga